

Số: 57/2025/DS-ST

Ngày: 07 - 5- 2025

T/c về việc “Hợp đồng vay”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyen Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Pham Van T

+ Ông Le Van T

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngo Minh B - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L, tham gia phiên tòa:* Bà Huynh Thi Yen N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 435/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2024 tranh chấp về việc “Hợp đồng vay”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Le Thi B, sinh năm 1956; cư trú số 267A, khóm Tan Thuan A, phường Tan N, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

* *Đại diện ủy quyền:* Ông Nguyen Phuoc T, sinh năm 1990; cư trú số 338A, khóm Tan H, phường Tan H, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L (văn bản ngày 30/12/2024). (vắng mặt theo đơn)

2. Bị đơn: Anh Vo Nhat T, sinh năm 1986 (vắng mặt theo đơn)

Cư trú số 116A42 khóm Tan Quoi H, phường Truong A, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/10/2024 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện ủy quyền ông Nguyen Phuoc T trình bày: Vào ngày 01/12/2018, anh T có vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, trả góp mỗi tháng tiền vốn và tiền lãi là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) nhưng anh T không thực hiện. Nay bà B yêu cầu anh T phải trả tiền vốn vay 5.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 30/10/2024 (71 tháng) x 125.000 đồng bằng số tiền 8.520.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 13.520.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Bị đơn Vo Nhat T trình bày: Anh T thừa nhận có vay tiền của bà B, nội dung biên nhận ngày 01/12/2018 là đúng sự thỏa thuận của hai bên, chữ ký tên và viết họ tên là do chính anh T ký viết và ký tên. Vào ngày 01/12/2018, anh T vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), lãi suất 350.000 đồng/tháng, thời hạn 10 tháng. Phương thức thanh toán trả góp tiền vốn và lãi là 800.000 đồng/tháng (trong đó: tiền lãi 350.000 đồng; tiền vốn 450.000 đồng).

Thực hiện hợp đồng: Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 01/02/2019, anh T trả tiền vốn và lãi được 02 tháng liên tiếp bằng số tiền 1.600.000 đồng. Tháng tiếp theo, chỉ đóng tiền lãi được 02 năm, mỗi tháng tiền lãi 350.000 đồng/tháng (tức từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/02/2021). Từ ngày 01/02/2021 đến ngày 20/8/2021, không nhớ có đóng tiền lãi trong mùa dịch covid-19 cho bà B hay không, thời gian lâu không còn nhớ.

Vào ngày 20/8/2022, bà B và anh T cùng với cha ruột Vo Van T có thỏa thuận cụ thể sau: Bà B cộng số tiền ông Tài vay 15.000.000 đồng + (cộng) số tiền anh T vay 5.000.000 đồng bằng 20.000.000 đồng. Tính lãi 15.000.000 đồng của tiền vốn 20.000.000 đồng chứ anh T không biết lãi suất có thời hạn hay không thời hạn. Tổng cộng vốn lãi 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), bà B cho trả góp tiền vốn và lãi hàng tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), anh T không biết trong đó vốn bao nhiêu, lãi bao nhiêu. Anh T chỉ có nghĩa vụ trả vốn lãi cho đến khi hết số tiền 35.000.000 đồng, anh T trả được tổng cộng 11.000.000 đồng thì bà B khởi kiện. Do anh T đi làm xa nên chỉ gửi tiền lãi và tiền vốn về cho cha Vo Van T trả tiền vay cho bà B. Anh T không đồng ý việc khởi kiện của bà B, không xác định được số tiền còn nợ bao nhiêu trong tổng số tiền 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T có đơn ngày 06/5/2025 đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày: Bên nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc anh T trả cho bà B số tiền vốn vay 5.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1.66%/tháng, tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T có đơn ngày 13/3/2025 đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến rằng: Anh T không có khả năng trả một lần số tiền vốn 24.900.000 đồng và tiền lãi suất từ năm 2022 đến nay. Do khi gia đình mượn số tiền 20.000.000 đồng thì bà B đã tính 15.000.000 đồng cộng vào thành số tiền 35.000.000 đồng và cho gia đình trả hàng tháng 500.000 đồng đến khi xong. Gia đình đã trả tiền hàng tháng có ký sổ tay cho đến ngày 08/8/2024 âm lịch bằng số tiền 10.100.000 đồng. Tháng 9 năm 2024 âm lịch tạm ngưng, do bà B không chịu nhận tiền góp và khởi kiện ra Tòa án. Anh T chỉ đồng ý tiếp tục trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn thiếu 24.900.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L, phát biểu: Về tố tụng, từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật quy định.

Về nội dung, căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 BLTTDS; các Điều 357, 463, 464, 465, 468, 470 BLDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc ông Trường phải trả tiền vốn vay 5.000.000 đồng, do có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng mức lãi suất 10%/năm,

tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử vụ án. Anh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hợp đồng vay được xác lập giữa cá nhân với cá nhân, không có mục đích kinh doanh. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vinh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- Giao dịch dân sự được xác lập trong năm 2018 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

- Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phiên tòa sơ thẩm; ông T đại diện ủy quyền của bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T và ông T theo luật định.

[2]. Theo đơn khởi kiện, phía anh T thừa nhận có vay số tiền 5.000.000 đồng, có thời hạn, có lãi suất là phù hợp với nội dung biên nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tiền vay, có kỳ hạn, có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 470, Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Về mức lãi suất, theo lời khai của bà B tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2024 là 2% tháng thì tiền lãi 100.000 đồng/tháng, góp vốn và lời 800.000 đồng/tháng (trong đó lãi 100.000 đồng; vốn 700.000 đồng); tại bản tự khai ngày 30/12/2024 lãi suất 2,5%/tháng thì tiền lãi 125.000 đồng/tháng và góp vốn lời 100.000 đồng/tháng. Phía anh T khai, tại biên bản hòa giải ngày 12/02/2025, tiền lãi mỗi tháng 350.000 đồng là tương đương 7%/tháng, góp tiền vốn 450.000 đồng và lãi 350.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ biên nhận ngày 01/12/2018 chỉ thể hiện nội dung “*trả mỗi tháng 800.000 đồng*”, phần cuối mục ký tên của biên nhận có ghi thêm dòng chữ “*với lãi suất 2,5%/tháng*”. Như vậy giữa bà B và anh T có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp. Hội đồng xét xử điều chỉnh mức lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về nghĩa vụ thanh toán tiền vay bằng phương thức trả góp vốn và lãi, phía bà B cho rằng anh T không có trả tiền vốn lãi, phản đối tài liệu chứng cứ của anh T. Đối với anh T chứng minh có sự thỏa thuận giữa bà B và các thành viên trong gia đình gom chung tổng nợ bằng số tiền 35.000.000 đồng và đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ hàng tháng, bà B có ký sổ tay ghi chép cho đến ngày 08/8/2024 âm lịch bằng số tiền 10.100.000 đồng, hiện nay các thành viên gia đình chỉ còn nợ 24.900.000 đồng. Lời nại ra này của anh T trên cơ sở tài liệu chứng cứ ghi chép trong sổ, đơn khởi kiện của bà B ngày 13/10/2024. Hội đồng xét xử xem xét tài liệu có nội dung “*tổng cộng 02 năm góp được 7.200.000 đồng; số tiền 35.700.000 đồng trừ 7.200.000 đồng còn 28.500.000 đồng*”; nội dung ghi chép sổ ngày 10/02/2024 có nét chữ “Bình”. Nhưng phía anh T không chứng minh chữ ký tên “Bình” trong sổ ghi chép là của ai ký. Ngoài ra, chứng cứ không có ký tên của các bên thỏa chuyển giao nghĩa vụ và chấm dứt nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370, Điều 372, Điều 375 Bộ luật Dân sự nên không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, anh T phải có nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi như sau: 5.000.000 đồng x 10%/năm x 2349 ngày (từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử 07/5/2025) bằng tiền lãi

3.217.808 đồng. Tổng cộng vốn và lãi làm tròn 8.217.800 đồng (Tám triệu hai trăm mười bảy nghìn tám trăm đồng), cho bà Lê Thị Thị Bình.

Ngoài ra, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu tiền lãi suất quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm làm tròn 411.000 đồng (Bốn trăm mười một nghìn đồng).

- Bà B thuộc đối tượng người cao tuổi, không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo thông báo số: 958/TB-TA, ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ các Điều 463, 468, 470, 357, Điều 370, 372, 375 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Le Thi B.

Buộc ông Vo Nhat T phải trả tiền vay của biên nhận ngày 01/12/2018, tổng cộng vốn lãi là 8.217.800 đồng (Tám triệu hai trăm mười bảy nghìn tám trăm đồng), cho bà Lê Thị Thị Bình.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu tiền lãi suất quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vo Nhat T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm làm tròn 411.000 đồng (Bốn trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Le Thi B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo thông báo số: 958/TB-TA, ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Cơ quan T.H.A cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

NGUYEN THU T